

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAM LÂM  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

*Bản án số:* **49/2020/HNGĐ-ST**

*Ngày:* **10/9/2020**

*Về việc:* Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Phương Lan Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Thái Cao Bình**  
2/ Bà **Mai Thị Thu Trang**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hoa Kim Cúc** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Trương Thị Dung** - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 98/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị Ngọc D**, sinh năm: **1991**

Địa chỉ: thôn CX, xã ST, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa; (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Vĩnh Phúc N**, sinh năm: **1986**

Địa chỉ: thôn TX 2, xã SC, huyện CL, Khánh Hòa; (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc D trình bày:**

- Về yêu cầu ly hôn: Bà Lưu Thị Ngọc D và ông Huỳnh Vĩnh Phúc N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SC và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2015, quyển số I, ngày 23/7/2015.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân bình thường, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do anh N thường xuyên đánh đập, sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được tình cảm. Bà D và ông N đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho mình được ly hôn với ông N để mỗi người có cuộc sống riêng.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lưu Thị Ngọc D và ông Huỳnh Vĩnh Phúc N có 02 con chung là cháu Huỳnh Quốc B, sinh ngày 23/4/2016 và Huỳnh Bảo Quỳnh Đ, sinh ngày 10/11/2017. Hai cháu B, Đ hoàn toàn khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Sau khi ly hôn, Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con vì các con hiện nay đang sống ổn định cùng bà D. Bà D có đơn trình bày không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con do bà có lương làm việc tại Công ty TNHH B-T Seafood là 9.400.000 đồng/ tháng và các thu nhập khác hoàn toàn ổn định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Vĩnh Phúc N trình bày:***

- Về yêu cầu ly hôn: Ông Huỳnh Vĩnh Phúc N và bà Lưu Thị Ngọc D tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SC và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2015, quyển số I, ngày 23/7/2015 đúng như Bà D đã trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là mâu thuẫn từ gia đình bố mẹ vợ. Vợ chồng ông đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông N trình bày vẫn còn yêu thương vợ và không muốn ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông N trình bày: vợ ông là người nóng tính nên không thể đảm nhiệm trách nhiệm nuôi các con. Nếu vợ ông nhất quyết yêu cầu phải ly hôn thì khi ly hôn ông có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Quốc B, sinh ngày 23/4/2016 vì cháu là con trai. Giao cháu Huỳnh Bảo Quỳnh Đ, sinh ngày 10/11/2017 là con gái cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*** Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà Lưu Thị Ngọc D được ly hôn ông Huỳnh Vĩnh Phúc N. Về con chung: đề nghị giao 02 con chung là các cháu Huỳnh Quốc B (sinh ngày 23/4/2016) và Huỳnh Bảo Quỳnh Đ (sinh ngày 10/11/2017) cho bà Lưu Thị Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Huỳnh Vĩnh Phúc N do Bà D không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu. Về án phí: Bà D là người khởi kiện ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định pháp luật là 300.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa và nghiên cứu các tài liệu, lời khai có trong hồ sơ vụ án, đã được

thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Lưu Thị Ngọc D và ông Huỳnh Vĩnh Phúc N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Ngọc D và ông Huỳnh Vĩnh Phúc N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SC và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2015, quyển số I, ngày 23/7/2015, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thật sự thương yêu, quý trọng nhau, ông N thường xuyên đánh đập bà D, bất đồng trong quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được; Bà D và ông N đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 và hiện nay không còn quan tâm đến nhau, Bà D yêu cầu được ly hôn với ông N là hoàn toàn có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà D và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại Tòa nguyên đơn vẫn một mực yêu cầu được giải quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lưu Thị Ngọc D được ly hôn với ông Huỳnh Vĩnh Phúc N.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lưu Thị Ngọc D và ông Huỳnh Vĩnh Phúc N có 02 con chung là các cháu Huỳnh Quốc B, sinh ngày 23/4/2016 và Huỳnh Bảo Quỳnh Đ, sinh ngày 10/11/2017. Bà D trình bày có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Bản thân bà đã nộp được các chứng cứ chứng minh thu nhập ổn định (cụ thể là bà có lương làm việc tại Công ty TNHH B-T Seafood là 9.400.000 đồng/ tháng), ngoài ra bà còn có nhiều khoản thu nhập khác hoàn toàn ổn định để đủ sức nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung.

Ông N có nội dung trình bày: Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Quốc B, sinh ngày 23/4/2016. Giao cháu Huỳnh Bảo Quỳnh Đ, sinh ngày 10/11/2017 cho Bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Xét thấy, cả hai con của Bà D và ông N vẫn đang trong độ tuổi đi học nên rất cần sự bảo ban, chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Khi ly thân, Bà D đã mang con về nhà bố mẹ ruột và tự mình nuôi dưỡng ổn định từ đó cho đến nay. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và không làm xáo trộn cuộc sống, tách rời tình cảm anh em của các cháu, nên cần giao cả hai cháu là Huỳnh Quốc B và Huỳnh Bảo Quỳnh Đ cho mẹ là Bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Huỳnh Vĩnh Phúc N do Bà D không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, Bà D và ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà Lưu Thị Ngọc D là người khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà **Lưu Thị Ngọc D** được ly hôn với ông **Huỳnh Vĩnh Phúc N**.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là các cháu Huỳnh Quốc B (sinh ngày 23/4/2016) và Huỳnh Bảo Quỳnh Đ (sinh ngày 10/11/2017) cho bà Lưu Thị Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Huỳnh Vĩnh Phúc N do Bà D không yêu cầu.

Ông N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**Quy định chung**: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng ông N, bà D; nếu sau này các đương sự trong vụ án có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Lưu Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0008151 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, Bà D đã nộp đủ án phí án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Cát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn

**Trần Phương Lan Anh**